TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – THANH HÓA** Bản án số: 06/2025/HNGĐ - ST Ngày: 15 - 8 - 2025 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Cúc;

Bà Nguyễn Thị Phương Mai;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Danh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Viên Thị Lan A - sinh năm: 2002; Có đơn xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, thành phố S (N là tổ dân phố P, phường N, tỉnh Thanh Hóa).

Bị đơn: Anh Lê Văn H - sinh năm: 2002; Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường Q, thành phố S (Nay là tổ dân phố V, phường S, tỉnh Thanh Hóa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Viên Thị Lan A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lan A và anh Hòa kết H1 với nhau năm 2021 trên cơ sở tự nguyện và đến năm 2022 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q,

thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 8 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả, xô xát. Ngoài ra anh H không chăm lo cho cuộc sống gia đình, con cái. Từ tháng 8 năm 2024 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Quá trình sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của chị Lan A được giải quyết ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Lan A và anh H có 01 con chung, là cháu Lê Hoàng Thiên P - sinh ngày 27/4/2022. Nay chị Lan A đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng Thiên P và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con chung thành niên. Tại đơn đề nghị ngày 10/7/2025 nguyên đơn chị Viên Thị Lan A thay đổi yêu cầu về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nay chị đề nghị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Viên Thị Lan A không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Văn H: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử, đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H nhưng anh không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xử cho chị Lan A được ly hôn với anh H.

Về yêu cầu nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào nguyện vọng của đương sự để giao con theo quy định, cần giao cháu Lê Hoàng Thiên P cho chị Viên Thị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Viên Thị Lan A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật

Tố tụng dân sự về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Do bị đơn anh Lê Văn H có nơi cư trú tại phường Q, thành phố S (Nay là phường S, tỉnh Thanh Hóa) nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 là đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 Nghị quyết thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; điểm b khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng và trở ngại khách quan; nguyên đơn chị Viên Thị Lan A có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị Lan A.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Lan A và anh H đã thực hiện lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, việc kết hôn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả chị và anh không vi phạm các quy định về độ tuổi và các điều kiện cấm kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả, xô xát. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để giải quyết nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do, điều đó thể hiện anh H không mong muốn vợ chồng hòa giải những bất đồng để quay về đoàn tụ, không tha thiết với cuộc sống hôn nhân. Như vậy, mâu thuẫn cuộc sống hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nguyện vọng xin ly hôn của chị Lan A là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận với ý kiến của Kiểm sát viên, cho chị Viên Thị Lan A được ly hôn anh Lê Văn H là phù hợp với Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Chị Lan A và anh H có 01 con chung, là cháu Lê Hoàng Thiên P - sinh ngày 27/4/2022. Nay chị Lan A đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thiên P.

Xét thấy việc nuôi dạy con cái là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, ai cũng có quyền này. Nguyện vọng của chị Lan A được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thiên P nên cần giao cháu Thiên P cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều

58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, về nguyện vọng nuôi con của chị Lan A là phù hợp và có căn cứ.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Lan A không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét đây là ý chí tự nguyện của chị Lan A, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên miễn xét.

[6]. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Viên Thị Lan A phải chịu, theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Viên Thị Lan A về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Lê Văn H.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Viên Thị Lan A được ly hôn với anh Lê Văn H;

Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Thiên P cho chị Viên Thị Lan A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Không xem xét

Về án phí: Chị Viên Thị Lan A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số: 0001412 ngày 07/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa). Chị Lan A đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, chị Viên Thị Lan A và anh Lê Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Thanh Hóa;
- UBND phường Sầm Sơn;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hùng